TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/HS-ST
Ngày 23-11-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Trung
2. Bà Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H - tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Nguyên Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78 /2018/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Ngọc T, sinh năm 1987; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M (Đã chết) **v**à bà Vũ Thị T; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết 12/12, sau đó ở nhà lao động tự do; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/7/2018 đến ngày 30/7/2018 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Thái Bình "có mặt".

Những người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1975 "vắng mặt".
2. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1968 "vắng mặt".

Đều trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 18 giờ ngày 28/7/2018, tại trục đường Thôn N, xã Đ, huyện H, tổ công tác Công an huyện H, phát hiện bắt quả tang Trần Ngọc T có hành vi cất dấu tại túi quần phía trước bên phải của T đang mặc 01 túi nilon trong suốt có viền dập màu xanh, mở kiểm tra bên trong chứa các hạt tinh thể trong suốt. T khai nhận đó là ma túy, mục đích để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác Công an huyện H, đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng. Ngoài ra còn thu giữ của T số tiền 20.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Ngọc T, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Thái Bình không thu giữ tài liệu, đồ vật, tài sản gì.

Tại Bản kết luận giám định số 307/KLGĐ-PC54 ngày 30/7/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: *"Mẫu gửi giám định thu của Trần Ngọc T là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,4448 gam (không phẩy bốn nghìn bốn trăm bốn mươi tám gam). Methamphetamine STT: 323, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ"*.

Bản cáo trạng số 80/2018/KSĐT ngày 30-10-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Ngọc T như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS; xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 01 năm 3 tháng tù đến 01 năm 6 tháng tù; về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T; Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 BLHS: tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật sau giám định số 307/KLGĐ của PC54 ngày 30/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng và 20.000 đồng; bị cáo Trần Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Ngọc T nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội, chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện H, tỉnh Thái Bình lập ngày 28/7/2018; biên bản quản lý và niêm phong vật chứng do Công an huyện H, tỉnh Thái Bình lập ngày 28/7/2018; bản kết luận giám định số 307/KLGĐ-PC54 ngày 30/7/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; lời khai của những người làm chứng: anh Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Văn M. Bị cáo Trần Ngọc T có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, như vậy có đủ cơ sở kết luận: Hồi 18 giờ ngày 28/7/2018, tại trục đường Thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; Trần Ngọc T đã có hành vi tàng trữ trái phép 01 túi ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,4448 gam (Không phẩy bốn nghìn bốn trăm bốn mươi tám gam) mục đích để sử dụng. Hành vi của Trần Ngọc T thực hiện đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo T là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mà bị cáo Trần Ngọc T thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà N- ớc về các chất ma túy. Hành vi của bị cáo còn làm mất trật tự trị an và gây bất bình trong

quần chúng nhân dân tại địa ph- ơng và là nguyên nhân phát sinh những tội phạm khác như trộm cắp tài sản, giết người, cướp giật tài sản ….

[4] Xét thân nhân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Ngọc T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 BLHS, quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, bị cáo khai báo thành khẩn nên bị cáo đ- ợc áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Từ những nhận xét trên, HĐXX thấy cần phải tiếp tục cách ly bị cáo khỏi cuộc sống xã hội trong một thời gian nhất định, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo T khai nhận: Khoảng 16 giờ ngày 28/7/2018, khi bị cáo T đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Th là bạn nghiện ma túy mới quen (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của Th) nhờ đi mua hộ ma túy. Khoảng 30 phút sau, Th đi xe máy đến đón bị cáo, cả hai đi đến địa phận xã T, huyện P, Thanh đưa cho T 1.000.000 đồng để đi mua ma túy. Sau đó, T gặp và mua 02 túi ma túy của một người thanh niên khoảng 20 tuổi, không biết tên và địa chỉ ở khu vực xã T, huyện P. Khi mua được ma túy, T đưa cho Th 01 túi, còn 01 túi T để sử dụng. Sau đó cả hai đi sang tỉnh Thái Bình tìm địa điểm để sử dụng ma túy, khi đến địa phận Thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình, T đi vào quán tạp hóa ven đường mua thuốc lá thì bị Tổ công tác Công an huyện H phát hiện bắt giữ, còn Th điều khiển xe bỏ chạy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Thái Bình đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không xác định được con người cụ thể đã đưa tiền và người đã bán ma túy cho T nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Trần Ngọc T là người nghiện ma túy, không nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: 0,4182gam *(Không phẩy bốn nghìn một trăm tám mươi hai gam)* ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định thu của Trần Ngọc T bao gói trong bao niêm phong số 307/KLGĐ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình là vật cấm lưu hành cần tịch thu để tiêu huỷ; 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng và số tiền 20.000 đồng là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho bị cáo; Bị cáo Trần Ngọc T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Ngọc T** phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2. □p dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Trần Ngọc T **01(một) năm 03(ba)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 28/7/2018.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

3.1 Tịch thu để tiêu huỷ 0,4182gam *(Không phẩy bốn nghìn một trăm tám mươi hai gam)* ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định thu của Trần Ngọc T bao gói trong bao niêm phong số 307/KLGĐ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

3.2 Trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng và 20.000 đồng (Vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình đang quản lý).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, bị cáo Trần Ngọc T phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo Trần Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** *Nơi nhận:***
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Trần Thị Nhàn